

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN
(SAIGON POSTEL CORP. – SPT)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 05 năm 2014

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1. Giải thích từ ngữ	3
ĐIỀU 2. Hình thức tổ chức	5
ĐIỀU 3. Tên Công ty	5
ĐIỀU 4. Tư cách pháp nhân	5
ĐIỀU 5. Trụ sở chính và địa chỉ Công ty	5
ĐIỀU 6. Ngành nghề kinh doanh và phạm vi hoạt động	6
ĐIỀU 7. Thời hạn hoạt động	6
ĐIỀU 8. Người đại diện theo pháp luật	7
ĐIỀU 9. Hoạt động của tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty	7

CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ ĐỒNG - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

ĐIỀU 10. Vốn Điều lệ	7
ĐIỀU 11. Cổ phần và các loại Cổ phần	8
ĐIỀU 12. Cổ đông	9
ĐIỀU 13. Quyền của Cổ đông	10
ĐIỀU 14. Nghĩa vụ của Cổ đông	11
ĐIỀU 15. Cổ phiếu	12
ĐIỀU 16. Trả Cổ tức	12
ĐIỀU 17. Chào bán, chuyển nhượng, mua lại Cổ phần	13
ĐIỀU 18. Phát hành trái phiếu	14

CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

ĐIỀU 19. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát Công ty	15
---	----

MỤC I. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG

ĐIỀU 20. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông	15
ĐIỀU 21. Triệu tập và điều kiện dự họp Đại hội đồng Cổ đông	16
ĐIỀU 22. Điều kiện, thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông	19

MỤC II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 23. Hội đồng Quản trị	23
ĐIỀU 24. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị	23
ĐIỀU 25. Chế độ làm việc của Hội đồng Quản trị	25
ĐIỀU 26. Thành viên Hội đồng Quản trị	26
ĐIỀU 27. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị	28
ĐIỀU 28. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	28
ĐIỀU 29. Quyền lợi và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị	29
ĐIỀU 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị	30
ĐIỀU 31. Bộ máy giúp việc của Hội đồng Quản trị	31

MỤC III. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

ĐIỀU 32. Tổng Giám đốc	32
ĐIỀU 33. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	32
ĐIỀU 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc	34
ĐIỀU 35. Bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc	34

MỤC IV. BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 36. Ban Kiểm soát	35
ĐIỀU 37. Điều kiện và tiêu chuẩn làm thành viên Ban Kiểm soát.....	35
ĐIỀU 38. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.....	36
ĐIỀU 39. Nghĩa vụ thành viên Ban Kiểm soát.....	37
ĐIỀU 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	37
ĐIỀU 41. Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát.....	38
ĐIỀU 42. Những vấn đề khác liên quan đến Ban Kiểm soát.....	38

MỤC V. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

ĐIỀU 43. Công khai các lợi ích liên quan	39
ĐIỀU 44. Các hợp đồng giao dịch phải được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận	40
ĐIỀU 45. Nghĩa vụ của Người quản lý	41

CHƯƠNG IV. TÀI CHÍNH VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐIỀU 46. Nguyên tắc hoạt động và chế độ hạch toán	41
ĐIỀU 47. Yêu cầu về kiểm toán, công khai thông tin và lưu giữ tài liệu Công ty	42
ĐIỀU 48. Thành lập các quỹ và phân phối lợi nhuận.....	42
ĐIỀU 49. Công bố thông tin của Công ty	42

CHƯƠNG V. CÔNG TY - NGƯỜI LAO ĐỘNG - CÔNG ĐOÀN

ĐIỀU 50. Thông qua chính sách về sử dụng lao động	43
ĐIỀU 51. Quyền và nghĩa vụ của người lao động	43

CHƯƠNG VI. THÀNH LẬP, QUẢN LÝ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CON

ĐIỀU 52. Thành lập Công ty con	44
ĐIỀU 53. Hình thức pháp lý của Công ty con	44
ĐIỀU 54. Quan hệ giữa Công ty với Công ty con	44
ĐIỀU 55. Báo cáo tài chính của Công ty và Công ty con.....	45

CHƯƠNG VII. TỔ CHỨC LẠI - GIA HẠN - GIẢI THỂ - PHÁ SẢN

ĐIỀU 56. Tổ chức lại Công ty	45
ĐIỀU 57. Gia hạn hoạt động.....	45
ĐIỀU 58. Giải thể	45
ĐIỀU 59. Thanh lý Công ty khi giải thể.....	46
ĐIỀU 60. Phá sản.....	46

CHƯƠNG VIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

ĐIỀU 61. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp	46
---	----

CHƯƠNG IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

ĐIỀU 62. Hiệu lực thi hành	47
ĐIỀU 63. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty, số lượng Chương và Điều.....	47

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn được lập và ban hành trên cơ sở Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các văn bản pháp luật có liên quan, là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Các Quy chế, quy định của Công ty, các Nghị quyết, Biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này, sẽ là cơ sở ràng buộc để Công ty tiến hành các hoạt động quản lý, kinh doanh.

Điều lệ này đã được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2008 và được sửa đổi theo Quyết định số 06/QĐ-HĐQT của Đại hội đồng Cổ đông Công ty ngày 24 tháng 5 năm 2014 gồm Phần mở đầu, 09 (chín) Chương và 63 (sáu mươi ba) Điều. Điều lệ này thay thế cho các Điều lệ trước đây của Công ty.

CHƯƠNG I ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1 **“Công ty”** là Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn.
- 1.2 **“Doanh nghiệp có vốn Nhà nước”** là doanh nghiệp trong đó Nhà nước sở hữu một phần Vốn Điều lệ của doanh nghiệp.
- 1.3 **“Doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội”** là doanh nghiệp trong đó tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị lực lượng vũ trang sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) Vốn Điều lệ.
- 1.4 **“Vốn Điều lệ”** là số vốn do tất cả các Cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ này.
- 1.5 **“Cổ phần”** là Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành những phần bằng nhau.
- 1.6 **“Giá trị thị trường”** là giá giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc giá do một tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định.
- 1.7 **“Cổ đông”** là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số Cổ phần đã phát hành của Công ty, và được ghi tên vào Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu Cổ phần.
- 1.8 **“Cổ đông sáng lập”** là Cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty.
- 1.9 **“Cổ đông phổ thông”** là Cổ đông sở hữu ít nhất một hay một số Cổ phần phổ thông của Công ty.
- 1.10 **“Cổ đông ưu đãi”** là Cổ đông sở hữu ít nhất một hay một số Cổ phần ưu đãi cổ tức hay Cổ phần ưu đãi hoàn lại của Công ty.

- 1.11 **“Cổ phiếu”** là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ phần của Công ty. Cổ phiếu của Công ty chỉ có một loại duy nhất là Cổ phiếu ghi tên theo các quy định của Điều lệ này.
- 1.12 **“Sổ đăng ký Cổ đông”** là một tài liệu bằng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc là cả hai. Sổ đăng ký Cổ đông phải có những nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.
- 1.13 **“Cổ tức”** là khoản lợi nhuận ròng hàng năm được trả cho mỗi Cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ thuế, các nghĩa vụ tài chính khác, trích lập các quỹ của Công ty và bù đắp đủ số lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 1.14 **“Người đại diện Cổ đông”** là cá nhân được Cổ đông ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Cổ đông tại Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 1.15 **“Pháp luật”** được hiểu là tổng thể các quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành theo những trình tự, thủ tục nhất định, và được bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp cưỡng chế Nhà nước.
- 1.16 **“Người quản lý Công ty”** gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Tổng Giám đốc/Giám đốc Công ty con; Người đại diện phần vốn góp của Công ty ở các doanh nghiệp khác và giữ chức vụ quản lý ở doanh nghiệp đó; Giám đốc hoặc người đứng đầu các đơn vị trực thuộc của Công ty và các chức danh quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định hoặc thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và bãi miễn.
- 1.17 **“Ban Điều hành”** gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; Tổng Giám đốc/Giám đốc Công ty con; Giám đốc hoặc người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Công ty.
- 1.18 **“Sự kiện bất khả kháng”** là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được, vượt ngoài sự kiểm soát của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, hoặc, nếu có thể lường trước được thì cũng không thể tránh được hoặc ngăn ngừa được, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn như: động đất, bão, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, hành vi quân sự, bạo động dân sự, đình công, tranh chấp lao động...
- 1.19 **“Người có liên quan”** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:
- 1.19.1 Công ty mẹ, Người quản lý Công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm Người quản lý đối với Công ty con;
 - 1.19.2 Công ty con đối với Công ty mẹ;
 - 1.19.3 Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của Công ty thông qua các cơ quan quản lý Công ty;
 - 1.19.4 Người quản lý Công ty;
 - 1.19.5 Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của Người quản lý Công ty hoặc của thành viên, Cổ đông sở hữu phần vốn góp hay Cổ phần chi phối;
 - 1.19.6 Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các Điều 1.19.1 đến Điều 1.19.5 Điều này;

- 1.19.7 Công ty trong đó những người quy định tại các Điều 1.19.1 đến Điều 1.19.8 Điều này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở Công ty;
- 1.19.8 Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, Cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty.
- 1.20 “**Nhóm Công ty**” gồm Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn và các Công ty con.
- 1.21 “**Điều lệ**” là Điều lệ này của Công ty do Đại hội đồng Cổ đông thông qua và các sửa đổi, bổ sung theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 1.22 “**Công ty con**” là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật mà Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn nắm giữ toàn bộ Vốn Điều lệ, phần vốn góp hoặc Cổ phần chi phối.
- 1.23 “**Đơn vị trực thuộc**” là các đơn vị phụ thuộc và nằm trong bộ máy tổ chức nội bộ của Công ty, có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc hoặc chức năng, nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh dưới quyền chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc.
- 1.24 “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- 1.25 Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

ĐIỀU 2. HÌNH THỨC TỔ CHỨC

Công ty là một công ty cổ phần và mỗi Cổ đông của Công ty chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

ĐIỀU 3. TÊN CÔNG TY

3.1 Tên tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

3.2 Tên tiếng Anh:

SAIGON POSTEL CORP.

3.3 Tên gọi tắt:

SPT

ĐIỀU 4. TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có Logo riêng và được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định hiện hành của pháp luật.

ĐIỀU 5. TRỤ SỞ CHÍNH VÀ ĐỊA CHỈ CÔNG TY

5.1 Trụ sở chính của Công ty đặt tại số: 45 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- 5.2 Điện thoại: (84.8) 5444 9999 Fax: (84.8) 5404 0609
5.3 Website: <http://www.spt.vn>
5.4 Email: info@spt.vn

5.5 Logo Công ty:



5.6 Công ty có thể có một số Công ty con, Chi nhánh, Văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước, được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Công ty thực hiện hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- 6.1 Sản xuất, lắp ráp thiết bị viễn thông, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị bưu chính viễn thông;
- 6.2 Thiết kế, lắp đặt, bảo trì hệ thống thiết bị thuê bao và mạng lưới bưu chính viễn thông chuyên dùng. Xây dựng công trình bưu chính viễn thông;
- 6.3 Kinh doanh dịch vụ bưu chính viễn thông. Cung cấp dịch vụ Internet công cộng (ISP), cung cấp thông tin lên mạng Internet (ICP). Thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ điện thoại trung kế vô tuyến, thiết lập mạng viễn thông công cộng và cung cấp các dịch vụ viễn thông, thiết lập mạng lưới và kinh doanh các dịch vụ viễn thông. Kinh doanh các loại hình dịch vụ bưu chính trong nước và quốc tế. Làm đại lý ủy thác chuyển phát tài liệu, chứng từ kinh doanh và hàng hóa trong phạm vi cả nước;
- 6.4 Cung cấp các loại dịch vụ viễn thông sử dụng giao thức IP. Mua bán điện thoại. Cung cấp dịch vụ kết nối Internet (IXP): dịch vụ kết nối Internet trong nước (NIX) và dịch vụ kết nối Internet quốc tế (IIG);
- 6.5 Chuyển tiền nhanh. Dịch vụ quảng cáo;
- 6.6 Thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ thông tin di động mặt đất. Cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet viễn thông. Dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo hành thiết bị đầu cuối;
- 6.7 Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Trang trí nội – ngoại thất;
- 6.8 Lắp đặt hệ thống điện dân dụng và công nghiệp, ăng ten truyền hình, cáp và mạng thông tin, thiết bị bảo vệ, báo động, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị cấp thoát nước, điều hòa không khí, hệ thống sấy, hút bụi, thông gió, cầu thang, thang máy, băng chuyền tự động;
- 6.9 Đại lý bán hàng hương hoa hồng;
- 6.10 Công ty có thể bổ sung những ngành nghề kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật nếu Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

ĐIỀU 7. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

- 7.1 Thời hạn hoạt động của Công ty là 99 (chín mươi chín) năm kể từ ngày 17/10/1996.
- 7.2 Công ty có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc gia hạn thêm thời gian hoạt động theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

- 8.1 Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty, có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 8.2 Trong trường hợp Tổng Giám đốc không phải là công dân Việt Nam thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

ĐIỀU 9. HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY

- 9.1 Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- 9.2 Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ ĐÔNG – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU

ĐIỀU 10. VỐN ĐIỀU LỆ

- 10.1 Vốn Điều lệ của Công ty là: **1.203.917.290.000 đồng.**
Ghi bằng chữ: **Một ngàn hai trăm lẻ ba tỷ chín trăm mười bảy triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng Việt Nam.**
- 10.2 Số vốn này được chia thành: **120.391.729 Cổ phần.**
Ghi bằng chữ: **Một trăm hai mươi triệu ba trăm chín mươi một ngàn bảy trăm hai mươi chín Cổ phần.**
- 10.3 Mỗi Cổ phần có mệnh giá là: **10.000 đồng.**
Ghi bằng chữ: **Mười ngàn đồng Việt Nam.**
- 10.4 Tùy theo tình hình và yêu cầu hoạt động của Công ty, Đại hội đồng Cổ đông có quyền quyết định việc tăng hoặc giảm Vốn Điều lệ.
- 10.5 Các Cổ đông sáng lập của Công ty gồm:
- 10.5.1 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Du lịch, Thương mại T.N.T;
 - 10.5.2 Công ty Sản xuất, Kinh doanh, Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Quận 1 (Fimexco);
 - 10.5.3 Công ty Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Petro);
 - 10.5.4 Công ty Dịch vụ và Du lịch Bến Thành (Bến Thành Tourist);
 - 10.5.5 Công ty Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Điện – Điện tử (Lisado);
 - 10.5.6 Công ty Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Quận 1 (Sunimex).
- 10.6 Chi tiết góp vốn của các Cổ đông sáng lập được ghi trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty.

ĐIỀU 11. CỔ PHẦN VÀ CÁC LOẠI CỔ PHẦN

- 11.1 Cổ phần của Công ty được thể hiện bằng Cổ phiếu ghi tên. Công ty không phát hành Cổ phiếu không ghi tên.
- 11.2 Cổ phần của Công ty gồm Cổ phần phổ thông, Cổ phần ưu đãi hoàn lại và Cổ phần ưu đãi Cổ tức.
 - 11.2.1 Tổng giá trị các loại Cổ phần ưu đãi không lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm phát hành.
 - 11.2.2 Hội đồng Quản trị quyết định việc phát hành Cổ phần ưu đãi Cổ tức và Cổ phần ưu đãi hoàn lại theo yêu cầu kinh doanh ở từng thời điểm hoạt động của Công ty.
 - 11.2.3 Sau 03 (ba) năm kể từ ngày phát hành, Cổ phần ưu đãi hoàn lại được hoàn lại vốn bất kỳ lúc nào theo yêu cầu của người sở hữu. Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông, không có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
 - 11.2.4 Cổ phần ưu đãi Cổ tức được trả Cổ tức với mức cao hơn Cổ tức của Cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Hội đồng Quản trị quyết định cách trả Cổ tức cụ thể đối với Cổ phần này. Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi Cổ tức không có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông, không có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
 - 11.2.5 Cổ phần ưu đãi Cổ tức và Cổ phần ưu đãi hoàn lại có thể chuyển đổi thành Cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông đối với từng trường hợp cụ thể.
 - 11.2.6 Cổ phần phổ thông không được chuyển đổi thành Cổ phần ưu đãi.
- 11.3 Cổ phần của Cổ đông sáng lập:
 - 11.3.1 Cổ đông sáng lập có đầy đủ các quyền của Cổ đông phổ thông, trừ các hạn chế tại Điều 11.3 này.
 - 11.3.2 Trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập có thể được chuyển nhượng cho Cổ đông sáng lập khác.
 - 11.3.3 Trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Cổ phần phổ thông của Cổ đông sáng lập chỉ có thể được chuyển nhượng cho Cổ đông không phải là Cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông. Trong trường hợp này, Cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng Cổ phần phổ thông của mình không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các Cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành Cổ đông sáng lập của Công ty.
 - 11.3.4 Sau thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với Cổ phần phổ thông của Cổ đông sáng lập được hủy bỏ theo luật định.
- 11.4 Cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng cho Cổ đông khác và cho người không phải là Cổ đông, trừ các hạn chế đối với:
 - 11.4.1 Các Cổ phần phổ thông của Cổ đông sáng lập quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này;

- 11.4.2 Các Cổ phần phổ thông của Cổ đông là doanh nghiệp có vốn Nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội theo Điều 12.2 và Điều 17 của Điều lệ này;
- 11.4.3 Các Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển nhượng.
- 11.5 Cổ phần của Công ty được thanh toán bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng hay các tài sản khác.
 - 11.5.1 Tài sản góp vốn phải thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Cổ đông góp vốn.
 - 11.5.2 Tài sản góp vốn khi thành lập Công ty do Cổ đông sáng lập định giá theo nguyên tắc nhất trí. Nếu các tài sản góp vốn được định giá cao hơn so với giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn, thì các Cổ đông sáng lập phải liên đới chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại phát sinh, các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty, bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá.
 - 11.5.3 Tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động của Công ty do Hội đồng Quản trị và Cổ đông góp vốn thỏa thuận, hoặc do một tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định.
 - a) Trường hợp tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được Cổ đông góp vốn và Hội đồng Quản trị chấp thuận.
 - b) Nếu tài sản góp vốn được định giá cao hơn so với giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn, thì Cổ đông góp vốn hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp cùng Người đại diện theo pháp luật của Công ty và thành viên Hội đồng Quản trị liên đới chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty, bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá và các thiệt hại phát sinh cho Công ty.
 - 11.5.4 Cổ đông góp vốn bằng tài sản phải chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho Công ty theo quy định sau đây:
 - a) Đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu hoặc giá trị quyền sử dụng đất, thì Cổ đông góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho Công ty tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
 - b) Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, thì việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản.
 - 11.5.5 Việc thanh toán tiền mua Cổ phần bằng tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi hay bằng vàng, thì chỉ được coi là thanh toán xong khi chuyển quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản góp vốn sang Công ty.

ĐIỀU 12. CỎ ĐÔNG

- 12.1 Cổ đông của Công ty là các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài sở hữu Cổ phần của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 12.2 Công ty luôn đảm bảo phần vốn góp của các doanh nghiệp có vốn Nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội chiếm ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) Vốn Điều lệ của Công ty.

- 12.3 Sổ đăng ký Cổ đông được mở và lưu giữ theo quy định của pháp luật. Sổ này được lưu trữ tại Trụ sở Công ty và được thông báo bằng văn bản cho các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh.

ĐIỀU 13. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

- 13.1 Cổ đông phổ thông có các quyền theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ này, cụ thể như sau:
- 13.1.1 Tham dự và phát biểu tại Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp, hoặc thông qua đại diện được ủy quyền để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Mỗi Cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết. Nếu Cổ đông là tổ chức, thì được quyền cử 01 (một) đại diện tham dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông. Nếu Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông, thì có quyền cử tối đa 03 (ba) người tham dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông.
 - 13.1.2 Được thông báo về Nghị quyết, Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Nghị quyết, Quyết định được thông qua.
 - 13.1.3 Được nhận Cổ tức với mức theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
 - 13.1.4 Cổ đông là tổ chức được quyền cử 01 (một) hay không quá 03 (ba) cá nhân đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Hội đồng Quản trị Công ty trong thời hạn sớm nhất, và thông báo phải có các nội dung chủ yếu theo luật định.
 - 13.1.5 Trường hợp Cổ đông chỉ cử 01 (một) người đại diện theo ủy quyền, thì người đại diện theo ủy quyền này mặc nhiên đại diện cho toàn bộ vốn góp của Cổ đông đó. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) người đại diện theo ủy quyền được cử, thì Cổ đông phải xác định cụ thể số Cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện theo ủy quyền.
 - 13.1.6 Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông có trách nhiệm thông báo cho Cổ đông đã cử mình về nội dung cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
 - 13.1.7 Được xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Sổ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong giờ làm việc của Công ty.
 - 13.1.8 Được xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết, và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác trong giờ làm việc của Công ty.
 - 13.1.9 Được ưu tiên mua Cổ phần mới chào bán trong các đợt tăng Vốn Điều lệ của Công ty tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty.
 - 13.1.10 Được tự do chuyển nhượng tất cả hay một phần số Cổ phần và/hoặc quyền mua Cổ phần của mình cho Cổ đông khác, và cho người không phải là Cổ đông, trừ những trường hợp quy định tại Điều 11.4.
 - 13.1.11 Được nhận và chuyển thừa kế Cổ phần theo luật định đối với Cổ đông là cá nhân, đồng thời có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ mà Cổ đông chuyển nhượng hoặc người để lại di sản thừa kế chưa hoàn thành đối với Công ty.

- 13.1.12 Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số Cổ phần đã góp vào Công ty, sau khi Công ty đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo luật định, thanh toán cho chủ nợ và Cổ phần ưu đãi hoàn lại.
- 13.2 Cổ đông phổ thông hay Nhóm Cổ đông phổ thông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục có quyền:
- 13.2.1 Đề cử người ứng cử vào Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 26.3 và Điều 37.5 của Điều lệ này.
- 13.2.2 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau:
- Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý hoặc ra quyết định vượt thẩm quyền được giao.
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế.
- 13.2.3 Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
- 13.2.4 Xem xét và trích lục Sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm, hằng năm và các báo cáo của Ban Kiểm soát.
- 13.3 Cổ đông ưu đãi sở hữu Cổ phần ưu đãi cổ tức và/hoặc ưu đãi hoàn lại có quyền và nghĩa vụ như quy định trong Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 14. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

- 14.1 Thanh toán một lần và đầy đủ số Cổ phần cam kết mua trong thời hạn quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm về nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 14.2 Việc thanh toán trị giá số Cổ phần cam kết mua có thể thực hiện bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi hay bằng tài sản theo các quy định tại Điều 11.5.
- 14.3 Không được rút vốn đã góp bằng Cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hay người khác mua lại Cổ phần.
- 14.4 Tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ và Quy chế Quản lý nội bộ Công ty.
- 14.5 Chấp hành Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
- 14.6 Trường hợp Công ty bị phá sản theo Luật Phá sản, thì Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi vốn góp của mình vào Công ty.
- 14.7 Sự vỡ nợ, tổ chức lại, giải thể của bản thân Cổ đông hay sự vi phạm pháp luật của người đại diện Cổ đông không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 14.8 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- 14.8.1 Vi phạm pháp luật;
- 14.8.2 Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;
- 14.8.3 Thanh toán những khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

ĐIỀU 15. CỔ PHIẾU

- 15.1 Cổ phiếu là chứng chỉ hay bút toán ghi sổ của Công ty xác nhận quyền sở hữu của Cổ đông trên một hoặc một số Cổ phần của Công ty. Cổ phiếu của Công ty là Cổ phiếu có ghi tên và gồm các nội dung chủ yếu sau:
- 15.1.1 Tên, địa chỉ Trụ sở chính của Công ty;
 - 15.1.2 Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - 15.1.3 Số lượng Cổ phần và loại Cổ phần;
 - 15.1.4 Mệnh giá Cổ phần là 10.000 (mười ngàn) đồng và tổng mệnh giá số Cổ phần ghi trên Cổ phiếu;
 - 15.1.5 Thông tin của Cổ đông (tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân/hộ chiếu, số Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức);
 - 15.1.6 Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng Cổ phần;
 - 15.1.7 Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và có đóng dấu của Công ty;
 - 15.1.8 Số đăng ký tại Sở đăng ký Cổ đông và ngày phát hành Cổ phiếu;
 - 15.1.9 Các quyền ưu đãi của Cổ đông.
- 15.2 Mỗi Cổ đông được Công ty cấp Cổ phiếu để ghi nhận số vốn góp.
- 15.3 Bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký Cổ đông đều có quyền yêu cầu Công ty cấp Giấy chứng nhận sau khi mua hoặc nhận Cổ phần chuyển nhượng.
- 15.4 Trường hợp có sai sót trong nội dung hay hình thức Cổ phiếu do Công ty phát hành, thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng.
- 15.5 Trường hợp Cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, Cổ đông có thể đề nghị Công ty cấp lại Cổ phiếu khác và phải trả phí theo quy định của Công ty. Đề nghị cấp Cổ phiếu mới của Cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau:
- 15.5.1 Cổ phiếu thực sự bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác. Trường hợp bị mất thì cam kết thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả lại Công ty để tiêu hủy;
 - 15.5.2 Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Cổ phiếu mới.

ĐIỀU 16. TRẢ CỔ TỨC

- 16.1 Cổ tức trả cho Cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại Cổ phần ưu đãi.
- 16.2 Đối với Cổ phần phổ thông, Công ty chỉ trả Cổ tức khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, các nghĩa vụ tài chính khác, trích lập các quỹ của Công ty và bù đắp đủ số lỗ trước đó theo luật định và Điều lệ Công ty.
- 16.3 Đại hội đồng Cổ đông quyết định hình thức và mức trả Cổ tức.
- 16.4 Việc lập danh sách các Cổ đông được trả Cổ tức và trình tự, phương thức trả Cổ tức được thực hiện theo quy định của Công ty.
- 16.5 Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả Cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận Cổ tức từ Công ty.

- 16.6 Trường hợp trả Cổ tức trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thì Cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền và tài sản đã nhận. Nếu Cổ đông không hoàn trả được cho Công ty, thì Cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng Quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho Cổ đông mà chưa được hoàn lại.

ĐIỀU 17. CHÀO BÁN, CHUYỂN NHƯỢNG, MUA LẠI CỔ PHẦN

- 17.1 Cổ phần phổ thông của Công ty được tự do chuyển nhượng cho người khác, trừ các trường hợp hạn chế theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ này.
- 17.1.1 Việc chuyển nhượng quyền mua Cổ phần mới hoặc Cổ phần của Công ty được nắm giữ bởi Cổ đông là doanh nghiệp có vốn Nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội được ưu tiên chuyển nhượng cho Công ty hoặc các doanh nghiệp có vốn Nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội khác và được đăng ký với Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp tổng số Cổ phần sở hữu bởi các doanh nghiệp có vốn Nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội trong Công ty có khả năng giảm xuống thấp hơn 51% (năm mươi một phần trăm) Vốn Điều lệ, thì Hội đồng Quản trị có quyền áp dụng các biện pháp thích hợp để đảm bảo tỷ lệ như quy định tại Điều 12.2 Điều lệ này.
- 17.1.2 Việc chuyển nhượng Cổ phần phổ thông thuộc loại bị hạn chế chuyển nhượng phải theo quy định nội bộ của Công ty.
- 17.2 Trường hợp Cổ đông là pháp nhân, thì chỉ Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó mới có quyền quyết định bằng văn bản việc chuyển nhượng Cổ phần của mình nếu hội đủ các điều kiện quy định trong Điều lệ này.
- 17.3 Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán Cổ phần trong số Cổ phần được quyền chào bán.
- 17.3.1 Giá chào bán Cổ phần không được thấp hơn giá trị thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của Cổ phần tại thời điểm gần nhất theo quy định của pháp luật.
- 17.3.2 Trường hợp Công ty phát hành thêm Cổ phần phổ thông thì phải chào bán số Cổ phần đó cho tất cả Cổ đông phổ thông theo tỷ lệ số Cổ phần hiện có của họ tại Công ty. Công ty phải thực hiện các biện pháp thông tin đến Cổ đông theo luật định để đảm bảo quyền đăng ký mua Cổ phần của Cổ đông.
- a) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua Cổ phần của mình cho người khác là Cổ đông của Công ty.
- b) Trường hợp Cổ phần dự định phát hành không được Cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết, thì số Cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng Quản trị quản lý và quyết định việc bán ra bên ngoài theo quy định. Hội đồng Quản trị có thể quyết định bán số Cổ phần đó cho Cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý, với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác hoặc Cổ phần được bán qua thị trường chứng khoán tập trung.
- 17.3.3 Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán Cổ phần ra công chúng thực hiện theo luật định.

- 17.4 Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần của mình. Yêu cầu phải được lập thành văn bản và được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua Quyết định về các vấn đề này. Trong trường hợp này, Công ty phải mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông với giá thị trường trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi nhận được yêu cầu.
- 17.5 Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông đã bán, một phần hay toàn bộ Cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo luật định và theo quy định của Điều lệ này, cụ thể:
- 17.5.1 Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, Đại hội đồng Cổ đông quyết định việc mua lại Cổ phần.
- 17.5.2 Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại Cổ phần. Đối với Cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá trị trường tại thời điểm mua lại. Đối với Cổ phần ưu đãi cổ tức, nếu Công ty và Cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
- 17.6 Cổ phần mua lại theo quy định tại Điều 17.4 và Điều 17.5 Điều lệ này được coi là Cổ phần thu về và thuộc số Cổ phần được quyền chào bán.
- 17.7 Trường hợp việc thanh toán Cổ phần mua lại trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thì Cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền và tài sản đã nhận. Nếu Cổ đông không hoàn trả được cho Công ty, thì Cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng Quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho Cổ đông mà chưa được hoàn lại.
- 17.8 Thủ tục, trình tự chào bán, chuyển nhượng và mua lại Cổ phần thực hiện theo luật định.

ĐIỀU 18. PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

- 18.1 Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.
- 18.2 Hội đồng Quản trị quyết định loại trái phiếu phát hành, tổng giá trị trái phiếu phát hành, thời điểm phát hành và phải báo cáo với Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
- 18.3 Trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng hoặc tài sản khác theo quy định của pháp luật. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể phương tiện thanh toán theo từng kỳ phát hành trái phiếu.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

ĐIỀU 19. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát Công ty gồm có:

- 19.1 Đại hội đồng Cổ đông;
- 19.2 Hội đồng Quản trị;
- 19.3 Tổng Giám đốc;
- 19.4 và Ban Kiểm soát.

MỤC I

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 20. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 20.1 Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ này, cụ thể như sau:
 - 20.1.1 Thông qua định hướng phát triển Công ty;
 - 20.1.2 Quyết định việc tăng hoặc giảm Vốn Điều lệ;
 - 20.1.3 Quyết định loại Cổ phần, tổng số Cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - 20.1.4 Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần đã bán của mỗi loại. Trong trường hợp khác, việc mua lại Cổ phần do Hội đồng Quản trị quyết định;
 - 20.1.5 Quyết định hình thức và mức trả Cổ tức hằng năm của từng loại Cổ phần;
 - 20.1.6 Quyết định việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh Vốn Điều lệ từ việc bán thêm Cổ phần mới trong phạm vi số lượng Cổ phần được quyền chào bán sẽ do Hội đồng Quản trị thực hiện;
 - 20.1.7 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát. Xem xét, xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty;
 - 20.1.8 Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm;
 - 20.1.9 Quyết định việc tổ chức lại Công ty, giải thể Công ty;
 - 20.1.10 Quyết định các dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - 20.1.11 Quyết định việc góp vốn thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp, mua cổ phần có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - 20.1.12 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 20.2 Đại hội đồng Cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.

ĐIỀU 21. TRIỆU TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 21.1 Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên hoặc bất thường, và ít nhất mỗi năm một lần. Địa điểm họp phải nằm trên lãnh thổ Việt Nam theo Quyết định của Hội đồng Quản trị.

- 21.2 Trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Hội đồng Quản trị triệu tập phiên họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông để thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
- 21.2.1 Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;
 - 21.2.2 Báo cáo của Hội đồng Quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty;
 - 21.2.3 Báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc;
 - 21.2.4 Mức Cổ tức đối với mỗi Cổ phần của từng loại.
- 21.3 Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường được triệu tập để giải quyết các việc quan trọng của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Thẩm quyền triệu tập họp bất thường của Đại hội đồng Cổ đông như sau:
- 21.3.1 Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của Cổ đông phổ thông hay Nhóm Cổ đông phổ thông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục;
 - d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - 21.3.2 Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại điểm b), hoặc nhận được yêu cầu bằng văn bản như quy định tại điểm c) và điểm d) Điều 21.3.1 Điều lệ này.
 - 21.3.3 Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo quy định tại Điều 21.3.2 Điều lệ này, thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
 - 21.3.4 Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 21.3.2 Điều lệ này, thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông.
 - 21.3.5 Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp như quy định tại Điều 21.3.4 Điều lệ này, thì Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
 - 21.3.6 Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 21.3.4 của Điều lệ này, thì Cổ đông (hoặc Nhóm Cổ đông) quy định tại Điều 13.2 Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật.
 - 21.3.7 Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại theo quy định của pháp luật.
 - 21.3.8 Người triệu tập phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ

đồng, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ này.

21.4 Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông:

21.4.1 Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông do người triệu tập lập dựa trên Sổ đăng ký Cổ đông và có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật. Chỉ những Cổ đông có tên trong Danh sách này mới có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.

21.4.2 Danh sách Cổ đông có quyền dự họp được lập sau khi có Quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông.

21.4.3 Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chụp danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông. Yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.

21.5 Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông:

21.5.1 Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng Cổ đông.

21.5.2 Trong trường hợp Công ty có nhiều hơn 200 (hai trăm) Cổ đông, thì Cổ đông sở hữu ít nhất mười 10.000 (mười ngàn) Cổ phần có quyền biểu quyết được trực tiếp tham dự Đại hội đồng Cổ đông. Những Cổ đông sở hữu ít hơn 10.000 (mười ngàn) Cổ phần có thể ủy quyền bằng văn bản cho Cổ đông khác trực tiếp tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông. Cổ đông được ủy quyền tham dự và biểu quyết phải đại diện cho ít nhất 10.000 (mười ngàn) Cổ phần có quyền biểu quyết. Trong trường hợp này, văn bản ủy quyền phải được gửi đến người triệu tập họp chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông.

21.5.3 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và tuân theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp Cổ đông là cá nhân, thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- b) Trường hợp Cổ đông là tổ chức, thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, Người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- c) Trong trường hợp khác, phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

21.5.4 Việc ủy quyền quy định tại Điều 21.5.2 Điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản chậm nhất là 24 (hai mươi bốn) giờ trước giờ khai mạc phiên họp Đại hội đồng Cổ đông về các trường hợp như sau:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.

21.5.5 Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

21.5.6 Trường hợp Cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông đến trước ngày

khai mạc, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số Cổ phần đã chuyển nhượng. Trong trường hợp này, người nhận chuyển nhượng Cổ phần phải xuất trình đầy đủ các bằng chứng chứng minh đã hoàn thành việc nhận chuyển nhượng theo quy định.

21.6 Chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông:

- 21.6.1 Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập chương trình và nội dung họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp chậm nhất 07 (bảy) ngày trước ngày khai mạc.
- 21.6.2 Cổ đông (hoặc Nhóm Cổ đông) nêu tại Điều 13.2 Điều lệ này có quyền kiến nghị bằng văn bản trong thời gian chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông về những vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Nội dung bản kiến nghị gồm tên Cổ đông, số lượng từng loại Cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 21.6.3 Người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 21.6.2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Những trường hợp khác theo luật định.

21.7 Mời họp Đại hội đồng Cổ đông:

- 21.7.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả Cổ đông có quyền dự họp ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.
- 21.7.2 Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của Cổ đông.
- 21.7.3 Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ Trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; Tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông; Thời gian và địa điểm họp.
- 21.7.4 Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận là cơ sở thông qua Quyết định và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- 21.7.5 Nếu Công ty có trang thông tin điện tử, thì thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.

ĐIỀU 22. ĐIỀU KIỆN, THẺ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

22.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông:

- 22.1.1 Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết.

- 22.1.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 22.1.1 Điều lệ này, thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết.
- 22.1.3 Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 22.1.2 Điều lệ này, thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông dự họp và tỷ lệ số Cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông dự họp.
- 22.1.4 Chỉ có Đại hội đồng Cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo giấy mời họp theo quy định tại Điều 21.7 Điều lệ này.
- 22.2 Thê thức tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông:
- 22.2.1 Chủ tọa, Thư ký và Ban Kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được quy định như sau:
- a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hay tạm thời mất khả năng làm việc, thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế chủ tọa cuộc họp. Trường hợp Phó Chủ tịch cũng vắng mặt hay tạm thời mất khả năng làm việc, thì thành viên có chức vụ cao nhất trong số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp, và người có số phiếu bầu cao nhất là Chủ tọa cuộc họp.
 - b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều khiển Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
 - c) Chủ tọa cử một người làm Thư ký lập Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông.
 - d) Đại hội đồng Cổ đông bầu Ban Kiểm phiếu không quá 03 (ba) người theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- 22.2.2 Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc.
- 22.2.3 Chủ tọa và Thư ký của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- 22.2.4 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.
- 22.2.5 Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành Nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng Ban Kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

22.2.6 Người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông có quyền:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác.
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp. Trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hay không tuân thủ các yêu cầu kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

22.2.7 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đến một thời điểm khác hay thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:

- a) Địa điểm họp không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

22.2.8 Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

22.2.9 Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định của Điều này, Đại hội đồng Cổ đông có quyền bầu một người khác trong số những người dự họp thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đó không bị ảnh hưởng.

22.3 Thông qua Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông:

22.3.1 Đại hội đồng Cổ đông thông qua các Quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

22.3.2 Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- b) Thông qua định hướng phát triển Công ty;
- c) Quyết định loại Cổ phần và tổng số Cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Tổ chức lại hay giải thể Công ty.

22.3.3 Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Được số Cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;
- b) Đối với quyết định về loại Cổ phần và tổng số Cổ phần của từng loại được quyền chào bán, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, tổ chức lại hay giải thể Công ty, thì phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;
- c) Việc biểu quyết bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị

hoặc Ban Kiểm soát, và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hay một số ứng cử viên.

- 22.3.4 Các Quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông với số Cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% (một trăm phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
- 22.3.5 Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Quyết định được thông qua.
- 22.4 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông:
- 22.4.1 Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết, trừ các trường hợp quy định tại Điều 22.3.2 Điều lệ này.
- 22.4.2 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ Trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; Số lượng Cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 22.4.3 Trường hợp Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được lấy ý kiến bằng văn bản, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số Cổ đông đại diện ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
- 22.4.4 Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của 03 (ba) Cổ đông không làm nhiệm vụ quản lý Công ty. Những người này phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của việc kiểm phiếu nói trên.
- 22.4.5 Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 22.4.6 Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như Quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
- 22.5 Biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông:
- 22.5.1 Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi vào Sổ biên bản Công ty. Biên bản phải có những nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, địa chỉ Trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chủ tọa và Thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu trong cuộc họp về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, Phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số Cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết tại cuộc họp, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, tổng số phiếu không tán thành và tổng số phiếu không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
- h) Các Quyết định đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

22.5.2 Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải được hoàn tất và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Bản sao của Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi đến tất cả Cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

22.5.3 Nội dung Biên bản chỉ được trích lập khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và bản trích lập này do Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký xác nhận.

22.5.4 Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, Phụ lục danh sách Cổ đông dự họp, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

22.6 Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông:

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua, Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét và hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau:

22.6.1 Trình tự và thủ tục triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 22.3.4 Điều lệ này.

22.6.2 Trình tự, thủ tục ra Quyết định và nội dung Quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

MỤC II HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 23. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

23.1 Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.

- 23.2 Hội đồng Quản trị gồm Chủ tịch, một hoặc hai Phó Chủ tịch và các thành viên. Hội đồng Quản trị thành lập một số Tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

ĐIỀU 24. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 24.1 Hội đồng Quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

- 24.1.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- 24.1.2 Kiến nghị loại Cổ phần và tổng số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- 24.1.3 Quyết định điều chỉnh Vốn Điều lệ từ việc bán thêm Cổ phần mới trong phạm vi số lượng Cổ phần được quyền chào bán sẽ do Hội đồng Quản trị thực hiện;
- 24.1.4 Quyết định việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty về việc điều chỉnh Vốn Điều lệ từ việc bán thêm Cổ phần mới trong phạm vi số lượng Cổ phần được quyền chào bán sẽ do Hội đồng Quản trị thực hiện;
- 24.1.5 Quyết định chào bán Cổ phần mới trong phạm vi số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- 24.1.6 Quyết định giá chào bán Cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- 24.1.7 Quyết định mua lại Cổ phần theo quy định tại Điều 17.5 của Điều lệ này;
- 24.1.8 Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- 24.1.9 Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng Cổ đông thông qua Quyết định;
- 24.1.10 Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng Cổ đông;
- 24.1.11 Kiến nghị mức Cổ tức được trả; Quyết định việc tạm ứng Cổ tức; Quyết định thời hạn và thủ tục trả Cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- 24.1.12 Thông qua hợp đồng kinh doanh, thương mại và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 44.1 và Điều 44.3 Điều lệ này;
- 24.1.13 Quyết định dự án đầu tư có giá trị từ 5% (năm phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- 24.1.14 Quyết định việc bán tài sản có giá trị từ 5% (năm phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- 24.1.15 Phê duyệt việc vay vốn ngân hàng và/hoặc các tổ chức tài chính để phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty;
- 24.1.16 Quyết định việc góp vốn thành lập, mua Cổ phần, góp vốn vào các doanh nghiệp khác mà có giá trị đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- 24.1.17 Quyết định đầu tư ra ngoài doanh nghiệp; Quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể Công ty con hoặc các đơn vị trực thuộc theo quy định;
 - 24.1.18 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty; Quyết định mức lương và lợi ích khác của những Người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở các doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó; Phê duyệt việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý khác theo Quy chế quản trị nội bộ của Công ty;
 - 24.1.19 Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và những người trong Ban Điều hành trong việc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - 24.1.20 Yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo hoạt động hàng tháng, hàng quý, định kỳ 06 (sáu) tháng và hàng năm của Công ty; Báo cáo tài chính hàng năm (gồm Bảng cân đối kế toán và Bảng quyết toán tài chính Công ty);
 - 24.1.21 Xem xét và giải quyết các kiến nghị của Tổng Giám đốc có liên quan đến quyền hạn, nhiệm vụ của Tổng Giám đốc và công tác điều hành của Ban Điều hành;
 - 24.1.22 Yêu cầu Tổng Giám đốc hủy bỏ các quyết định của mình hay của Ban Điều hành trái pháp luật và/hoặc Điều lệ Công ty;
 - 24.1.23 Quyết định cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ Công ty; Quyết định thành lập, sáp nhập, tổ chức lại hoặc giải thể các đơn vị trực thuộc, Công ty con và Văn phòng đại diện;
 - 24.1.24 Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - 24.1.25 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 24.2 Trong trường hợp cần thiết, nhằm nâng cao hiệu quả quản trị Công ty và vì lợi ích của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể ủy nhiệm cho Chủ tịch, Trưởng các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện một hay một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

ĐIỀU 25. CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 25.1 Hội đồng Quản trị thông qua Quyết định bằng việc biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của Điều lệ này.
- 25.2 Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Trường hợp Quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hay Điều lệ Công ty và gây thiệt hại cho Công ty, thì các thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận thông qua Quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Quyết định đó và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty. Thành viên phản đối thông qua Quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, Cổ đông sở hữu Cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 (một) năm có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị đình chỉ thực hiện Quyết định nói trên.
- 25.3 Cuộc họp Hội đồng Quản trị:
 - 25.3.1 Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các Quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường

- hợp có nhiều thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau, thì các thành viên đó bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
- 25.3.2 Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hay bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất 01 (một) lần.
- 25.3.3 Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Hội đồng Quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
- a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hay ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d) Các trường hợp khác do quy định của Điều lệ Công ty.
- 25.3.4 Các đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
- 25.3.5 Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị theo quy định tại Điều 25.3.3 Điều lệ này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị, thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
- 25.3.6 Thông báo mời họp, tài liệu, báo cáo, đề án, hợp đồng và tài liệu khác để thông qua Hội đồng Quản trị phải được gửi đến từng thành viên chậm nhất là 05 (năm) ngày trước khi Hội đồng Quản trị họp.
- 25.3.7 Thông báo mời họp, tài liệu, báo cáo, đề án, hợp đồng và tài liệu khác phải được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc nếu những người này không phải là thành viên Hội đồng Quản trị. Những thành viên này có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và có quyền thảo luận, nhưng không được biểu quyết.
- 25.3.8 Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên tham dự.
- 25.3.9 Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải được gửi đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 25.3.10 Thành viên Hội đồng Quản trị chỉ được ủy quyền cho thành viên khác trong Hội đồng Quản trị của Công ty SPT tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu vắng mặt.
- 25.3.11 Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi chép đầy đủ vào sổ Biên bản, có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Hội đồng Quản trị. Các trích lục, sao chép phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Biên bản và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.
- 25.4 Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác, theo nguyên tắc đa số quá bán thành viên biểu quyết chấp thuận. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có 01 (một) lá phiếu biểu quyết.

Thành viên Hội đồng Quản trị dự họp có quyền bảo lưu ý kiến của mình nếu chưa thống nhất, nhưng phải chấp hành ý kiến biểu quyết theo đa số. Trường hợp tỷ lệ phiếu ngang nhau, thì phiếu có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị có giá trị quyết định cuối cùng. Quyết định hợp lệ của Hội đồng Quản trị có hiệu lực thi hành đối với toàn thể Công ty.

ĐIỀU 26. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

26.1 Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị:

- 26.1.1 Hội đồng Quản trị gồm từ 07 (bảy) đến 09 (chín) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông bầu theo nguyên tắc bầu dồn phiếu.
- 26.1.2 Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 26.1.3 Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
- 26.1.4 Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Thành viên mới thay thế thành viên cũ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm không kế thừa các chức danh, nhiệm vụ, công việc của thành viên cũ.
- 26.1.5 Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết là Cổ đông Công ty.
- 26.1.6 Thành viên Hội đồng Quản trị có thể là thành viên chuyên trách, thành viên kiêm nhiệm, hoặc thành viên độc lập.
- 26.1.7 Hội đồng Quản trị có ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) số thành viên không tham gia Ban Điều hành; Có ít nhất một 1/3 (phần ba) số thành viên là thành viên chuyên trách công việc của Hội đồng Quản trị.

26.2 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị:

Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 26.2.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- 26.2.2 Là Cổ đông cá nhân hay đại diện của Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 5% (năm phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông, hoặc là người khác có trình độ chuyên môn về viễn thông, tài chính hay có kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh ít nhất 05 (năm) năm;
- 26.2.3 Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
- 26.2.4 Có trình độ, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý Công ty.

26.3 Đề cử người vào Hội đồng Quản trị:

- 26.3.1 Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) đến dưới 10% (mười phần trăm) số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử 01 (một) ứng cử viên để bầu vào Hội đồng Quản trị.
- 26.3.2 Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn 06 (sáu)

- tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử 03 (ba) ứng cử viên để bầu vào Hội đồng Quản trị.
- 26.3.3 Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử 04 (bốn) ứng cử viên để bầu vào Hội đồng Quản trị.
- 26.3.4 Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 65% (sáu mươi lăm phần trăm) số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử 05 (năm) ứng cử viên để bầu vào Hội đồng Quản trị.
- 26.3.5 Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông sở hữu từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử đủ số ứng cử viên để bầu vào Hội đồng Quản trị.
- 26.3.6 Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế nhất định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

ĐIỀU 27. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 27.1 Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty, của các đơn vị trong Công ty.
- 27.2 Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Người quản lý các đơn vị trong Công ty được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị. Đối với các thông tin, tài liệu rất quan trọng hoặc thuộc phạm vi bảo mật của Công ty, việc cung cấp thông tin, tài liệu chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- 27.3 Yêu cầu cung cấp thông tin phải thực hiện bằng văn bản. Văn bản này phải ghi rõ:
- 27.3.1 Họ, tên, chức danh của thành viên Hội đồng Quản trị;
- 27.3.2 Lý do, loại thông tin tài liệu và thời hạn yêu cầu cung cấp;
- 27.3.3 Cam kết bảo mật thông tin được cung cấp.
- 27.4 Yêu cầu cung cấp thông tin gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chỉ đạo Người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin tài liệu theo yêu cầu.
- 27.5 Đối với thông tin, tài liệu rất quan trọng hoặc thuộc phạm vi bảo mật của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền từ chối yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, hoặc quyết định cung cấp một phần thông tin, tài liệu vào thời điểm thích hợp, hoặc báo cáo với Hội đồng Quản trị tại cuộc họp gần nhất hay bằng văn bản lấy ý kiến. Quyết định của Hội đồng Quản trị là quyết định cuối cùng.
- 27.6 Thông tin, tài liệu cung cấp phải được bảo mật. Thành viên Hội đồng Quản trị yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu chịu trách nhiệm cá nhân về việc tiết lộ một phần hay toàn bộ thông tin, tài liệu được cung cấp, dù sự tiết lộ do sơ xuất, cố ý hay bất kỳ lý do nào

khác, và phải bồi thường về những thiệt hại xảy ra cho Công ty do việc tiết lộ thông tin, tài liệu cung cấp.

ĐIỀU 28. CHỦ TỊCH VÀ PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 28.1 Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch trong số các thành viên của Hội đồng Quản trị ngay trong phiên họp đầu tiên của nhiệm kỳ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 28.2 Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty. Trong trường hợp thực sự cần thiết, theo quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm Tổng Giám đốc nhưng trong thời hạn không quá 06 (sáu) tháng.
- 28.3 Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, cụ thể như sau:
- 28.3.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - 28.3.2 Chuẩn bị hoặc tổ chức chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp của Hội đồng Quản trị;
 - 28.3.3 Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - 28.3.4 Tổ chức việc thông qua Quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - 28.3.5 Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - 28.3.6 Chuẩn bị hoặc tổ chức chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và quy định của Điều lệ này;
 - 28.3.7 Ký kết, phê duyệt các văn bản, hợp đồng, quyết định, tài liệu thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị đã được Hội đồng Quản trị thông qua, hoặc được Hội đồng Quản trị ủy nhiệm;
 - 28.3.8 Quyết định dự án đầu tư của Công ty có giá trị từ 2% (hai phần trăm) đến dưới 5% (năm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - 28.3.9 Quyết định các hợp đồng kinh doanh, thương mại có giá trị từ 5% (năm phần trăm) đến dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 44.1 và Điều 44.3 Điều lệ này;
 - 28.3.10 Quyết định bán tài sản có giá trị từ 2% (hai phần trăm) đến dưới 5% (năm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - 28.3.11 Chỉ đạo công việc của Văn phòng và các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị;
 - 28.3.12 Bồi thường thiệt hại trong trường hợp ra các quyết định trái pháp luật và/hoặc Điều lệ Công ty, gây thiệt hại cho Công ty.
 - 28.3.13 Các quyền và nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị ủy nhiệm, và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 28.4 Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế Chủ tịch khi Chủ tịch vắng mặt; Thực hiện những công việc do Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy nhiệm trong phạm vi thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- 28.5 Trường hợp Chủ tịch không còn khả năng đảm nhận nhiệm vụ được giao, thì Phó Chủ tịch thay thế tạm thời, và trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày phải triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị mới.
- 28.6 Trường hợp Phó Chủ tịch không còn khả năng đảm nhận nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch thay thế tạm thời đảm nhiệm các công việc được Hội đồng Quản trị ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch, và trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, Chủ tịch triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị để bầu Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị mới.

ĐIỀU 29. QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

29.1 Quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị:

- 29.1.1 Chi phí hoạt động cho các thành viên Hội đồng Quản trị và bộ máy giúp việc cho Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí hoạt động của Công ty.

Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị gồm:

- a) Các chi phí cho hoạt động của tập thể Hội đồng Quản trị, không bao gồm chi phí cho Văn phòng Hội đồng Quản trị;
- b) Thù lao, tiền lương của các thành viên Hội đồng Quản trị;
- c) Tiền thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- 29.1.2 Tổng mức tiền lương, thù lao và mức tiền thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Căn cứ vào tổng mức thù lao và tiền thưởng này, Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao và tiền thưởng cho các thành viên.

- 29.1.3 Thành viên Hội đồng Quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và các chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

- 29.1.4 Tổng Giám đốc phải bảo đảm các điều kiện và phương tiện làm việc cần thiết cho Hội đồng Quản trị.

29.2 Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị:

- 29.2.1 Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch, mục tiêu hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ.

- 29.2.2 Tham dự đầy đủ các phiên họp Hội đồng Quản trị, thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung của phiên họp và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng Cổ đông về ý kiến của mình, và về việc thực hiện nhiệm vụ, công việc được phân công trực tiếp đảm trách.

- 29.2.3 Phụ trách công việc theo sự phân công, phân nhiệm của Hội đồng Quản trị, và phải trực tiếp thực thi nhiệm vụ của mình, không được ủy quyền cho người khác.

- 29.2.4 Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị có liên quan đến từng thành viên, và chấp hành việc phân công, phân nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- 29.2.5 Không được lợi dụng chức vụ để trục lợi hoặc có hành động chiếm đoạt cơ hội kinh doanh của Công ty, làm thiệt hại lợi ích của Công ty; Có trách nhiệm bảo mật thông tin của Công ty.

- 29.2.6 Không được hành động vượt quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 29.2.7 Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị không được giữ chức vụ Kế toán trưởng, Thủ quỹ tại Công ty và tại các đơn vị trực thuộc Công ty.
- 29.2.8 Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng Cổ đông về Quyết định của Hội đồng Quản trị. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, gây thiệt hại cho Công ty, thì phải chịu trách nhiệm và phải bồi thường vật chất đối với các thiệt hại do mình gây ra theo luật định.

ĐIỀU 30. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM, BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 30.1 Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau đây:
 - 30.1.1 Bị chết, bị mất tích hoặc đã có quyết định của Tòa án tuyên bố là đã chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - 30.1.2 Vi phạm quy định pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty;
 - 30.1.3 Không đủ khả năng đảm nhiệm công việc;
 - 30.1.4 Không còn đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định pháp luật và theo quy định tại Điều 26.2 của Điều lệ này;
 - 30.1.5 Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - 30.1.6 Có đơn xin từ nhiệm;
 - 30.1.7 Tiết lộ thông tin, tài liệu làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty.
- 30.2 Ngoài các trường hợp quy định tại Điều 30.1 Điều lệ này, các thành viên Hội đồng Quản trị có thể bị bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
- 30.3 Bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị:
 - 30.3.1 Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số đã được bầu, thì Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba), để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.
 - 30.3.2 Trong trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng Cổ đông sẽ bầu thành viên mới thay thế cho thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

ĐIỀU 31. BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 31.1 Giúp việc cho Hội đồng Quản trị có Thư ký Hội đồng Quản trị, Văn phòng Hội đồng Quản trị và các Tiểu ban.
 - 31.1.1 Thư ký Hội đồng Quản trị đồng thời giữ chức Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị.

- 31.1.2 Nhân sự của Văn phòng Hội đồng Quản trị do Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định. Chuyên viên, viên chức của Văn phòng Hội đồng Quản trị và Thư ký Hội đồng Quản trị là người lao động của Công ty, được hưởng lương theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các chế độ, chính sách khác của Công ty đối với người lao động.
- 31.1.3 Số lượng thành viên của mỗi Tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định. Mỗi Tiểu ban do 01 (một) thành viên Hội đồng Quản trị đứng đầu, và các thành viên khác của Tiểu ban có thể gồm người bên trong và bên ngoài Công ty. Thành viên của các Tiểu ban nếu là người bên ngoài Công ty thì được hưởng thù lao. Thành viên của các Tiểu ban là người bên trong Công ty thì được hưởng phụ cấp theo Quyết định của Hội đồng Quản trị. Quy chế làm việc và các quyền lợi, nghĩa vụ của những người này do Hội đồng Quản trị quyết định.
- 31.2 Ban Điều hành phải chấp hành quyết định của Hội đồng Quản trị trong việc cung cấp phương tiện, trang thiết bị cần thiết và chi phí cho hoạt động của các Tiểu ban và Văn phòng Hội đồng Quản trị.
- 31.3 Hội đồng Quản trị sử dụng tư vấn độc lập về các công việc cụ thể liên quan đến hoạt động đầu tư, tài chính, pháp lý và các lĩnh vực quan trọng khác.
 - 31.3.1 Tư vấn độc lập có thể là pháp nhân hay cá nhân có chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực cần tư vấn.
 - 31.3.2 Tư vấn độc lập là pháp nhân không là đơn vị trực thuộc hay Công ty con của Công ty; Tư vấn độc lập là cá nhân không thuộc biên chế lao động của Công ty.

MỤC III

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

ĐIỀU 32. TỔNG GIÁM ĐỐC

- 32.1 Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một người trong số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 32.2 Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- 32.3 Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ khi Tổng Giám đốc không phải là công dân Việt Nam.
- 32.4 Điều kiện và tiêu chuẩn làm Tổng Giám đốc bao gồm:
 - 32.4.1 Các điều kiện quy định tại Điều 26.2 Điều lệ này.
 - 32.4.2 Tổng Giám đốc không được đồng thời làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, hay chức danh quản lý của bất kỳ doanh nghiệp nào khác.
 - 32.4.3 Tổng Giám đốc không đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát.
 - 32.4.4 Tổng Giám đốc không kiêm nhiệm chức danh quản lý tại các Công ty con và đơn vị trực thuộc Công ty.

32.4.5 Các điều kiện, tiêu chuẩn khác do Hội đồng Quản trị quyết định.

ĐIỀU 33. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- 33.1 Tổng Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và Quyết định của Hội đồng Quản trị.
- 33.2 Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc:
- 33.2.1 Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có Quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - 33.2.2 Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - 33.2.3 Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - 33.2.4 Xây dựng và kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - 33.2.5 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị quy định tại Điều lệ này;
 - 33.2.6 Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với tất cả người lao động và cán bộ quản lý trong Công ty, trừ những người thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - 33.2.7 Tuyển dụng lao động;
 - 33.2.8 Kiến nghị phương án trả Cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - 33.2.9 Với tư cách là Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc thay mặt Công ty ký kết hoặc ủy quyền ký kết các loại hợp đồng thương mại, kinh doanh, dân sự và các văn bản khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - 33.2.10 Trên cơ sở Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị quy định tại Điều 28.3 Điều lệ này, Tổng Giám đốc đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch với các đối tác;
 - 33.2.11 Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng Quản trị và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong thời gian ngắn nhất;
 - 33.2.12 Thực hiện các biện pháp cần thiết trong việc đảm bảo an toàn thông tin liên lạc, bảo vệ mạng lưới bưu chính – viễn thông, bảo vệ cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty;
 - 33.2.13 Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với việc điều hành của mình; Có trách nhiệm báo cáo đầy đủ các nội dung liên quan khi được Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát hay cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;
 - 33.2.14 Trường hợp vi phạm Điều lệ Công ty, lạm dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty và Nhà nước, thì phải chịu trách nhiệm bồi thường vật chất và trách nhiệm pháp lý đối với những thiệt hại do mình gây ra;
 - 33.2.15 Quyết định dự án đầu tư có giá trị dưới 2% (hai phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- 33.2.16 Quyết định các hợp đồng kinh doanh, thương mại có giá trị dưới 5% (năm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 44.1 và Điều 44.3 Điều lệ này;
- 33.2.17 Quyết định bán tài sản có giá trị dưới 2% (hai phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- 33.2.18 Ban hành các quy định, Quy chế, Nội quy phục vụ cho công tác điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- 33.2.19 Chịu trách nhiệm về việc quản lý và sử dụng con dấu của Công ty; Đảm bảo Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, và Trưởng Ban Kiểm soát được sử dụng con dấu khi ra các văn bản thuộc thẩm quyền;
- 33.2.20 Đề nghị Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
- 33.2.21 Trước ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 12 (mười hai) hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
- 33.2.22 Được quyền không thực hiện và kiến nghị điều chỉnh những Quyết định trái pháp luật, trái với quy định của Điều lệ hay vượt thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, và nếu Hội đồng Quản trị không có ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày, thì tùy theo yêu cầu về thời gian, tính chất của vụ việc cụ thể, Tổng Giám đốc yêu cầu triệu tập cuộc họp bất thường của Đại hội đồng Cổ đông để xử lý hoặc báo cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- 33.2.23 Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty nếu điều hành trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và gây thiệt hại cho Công ty;
- 33.2.24 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và sự ủy nhiệm của Hội đồng Quản trị.

ĐIỀU 34. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC

- 34.1 Tổng Giám đốc Công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - 34.1.1 Bị chết, bị mất tích hoặc đã có quyết định của Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hay bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - 34.1.2 Không còn đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chuẩn để làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 32.4 Điều lệ này;
 - 34.1.3 Có đơn xin từ nhiệm;
 - 34.1.4 Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị, kể cả khi Tổng Giám đốc chưa hết nhiệm kỳ, do Tổng Giám đốc thiếu trách nhiệm, hay không hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh doanh, hoặc vi phạm các nguyên tắc về quản lý tài chính, vi phạm pháp luật và/hoặc Điều lệ Công ty.
- 34.2 Trường hợp Tổng Giám đốc có đơn xin từ nhiệm, thì đơn của Tổng Giám đốc phải gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trong thời hạn không quá 45 (bốn mươi lăm) ngày, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xem xét giải quyết đơn xin từ nhiệm. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác, thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị tạm thời kiêm nhiệm Tổng Giám đốc và phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới trong thời hạn sớm nhất nhưng không quá 06 (sáu) tháng.

ĐIỀU 35. BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

35.1 Phó Tổng Giám đốc:

- 35.1.1 Là người giúp việc cho Tổng Giám đốc, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo phân công hoặc ủy quyền của Tổng Giám đốc.
- 35.1.2 Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc về kết quả thực hiện nhiệm vụ đã được phân công hoặc được ủy quyền.
- 35.1.3 Nhiệm kỳ của Phó Tổng Giám đốc tối đa là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

35.2 Kế toán trưởng:

- 35.2.1 Kế toán trưởng không được là thành viên Hội đồng Quản trị; Không phải là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Phó Tổng Giám đốc.
- 35.2.3 Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo về các hoạt động tài chính của Công ty; Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán, thống kê của Công ty; Có các quyền và nhiệm vụ theo luật định.
- 35.2.4 Nhiệm kỳ của Kế toán trưởng tối đa là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

35.3 Các Phòng, Ban nghiệp vụ và đơn vị trực thuộc của Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

35.4 Giám đốc hoặc người đứng đầu Công ty, Phó Giám đốc, bộ máy giúp việc của các đơn vị trực thuộc Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

35.5 Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng có thể bị miễn nhiệm, cách chức trong trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật hay Điều lệ Công ty kể cả khi chưa hết nhiệm kỳ.

MỤC IV

BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 36. BAN KIỂM SOÁT

- 36.1 Ban Kiểm soát có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông bầu, trong đó có ít nhất một thành viên chuyên trách có chuyên môn về kế toán, kiểm toán.
- 36.2 Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 (năm) năm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 36.3 Các thành viên Ban Kiểm soát bầu 01 (một) thành viên làm Trưởng Ban và 01 (một) thành viên làm Phó Trưởng Ban Kiểm soát.
- 36.4 Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu, thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

ĐIỀU 37. ĐIỀU KIỆN VÀ TIÊU CHUẨN LÀM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- 37.1 Thành viên Ban Kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện theo luật định và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:
- 37.1.1 Là công dân Việt Nam, từ 21 (hai mươi mốt) tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
- 37.1.2 Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác;
- 37.1.3 Không đang làm việc với nhiệm vụ quản lý tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh dịch vụ bưu chính - viễn thông cạnh tranh với Công ty;
- 37.2 Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết là Cổ đông của Công ty hoặc người lao động của Công ty.
- 37.3 Trưởng Ban Kiểm soát phải là Cổ đông của Công ty.
- 37.4 Thành viên Ban Kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý trong Công ty.
- 37.5 Việc đề cử thành viên Ban kiểm soát được quy định như sau:
- 37.5.1 Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử 01 (một) ứng cử viên để bầu vào Ban Kiểm soát;
- 37.5.2 Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử 02 (hai) ứng cử viên để bầu vào Ban Kiểm soát;
- 37.5.3 Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 65% (sáu mươi lăm phần trăm) số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử 03 (ba) ứng cử viên để bầu vào Ban Kiểm soát;
- 37.5.4 Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông sở hữu từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử đủ số ứng viên để bầu vào Ban Kiểm soát;
- 37.5.5 Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Chủ tọa cuộc họp có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế nhất định. Cơ chế đề cử hay cách thức đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

ĐIỀU 38. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

- 38.1 Giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- 38.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- 38.3 Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng và hàng năm của Công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị; Trình các báo cáo này lên Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 38.4 Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông quy định tại Điều 13.2 Điều lệ này.
- 38.5 Khi có yêu cầu của Cổ đông, Nhóm Cổ đông quy định tại Điều 13.2 Điều lệ này thì:
- 38.5.1 Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu;
- 38.5.2 Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo và giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông có yêu cầu;
- 38.5.3 Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 38.6 Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 38.7 Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 45.1 Điều lệ này, thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, đồng thời yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 38.8 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này và theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
- 38.9 Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- 38.10 Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.

ĐIỀU 39. NGHĨA VỤ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- 39.1 Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- 39.2 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty.
- 39.3 Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông của Công ty; Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 39.4 Các nghĩa vụ khác theo luật định và quy định của Điều lệ Công ty.
- 39.5 Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định của Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác, thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại.
- 39.6 Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 39.3 Điều lệ này đều thuộc sở hữu của Công ty.

- 39.7 Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao, thì Hội đồng Quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

ĐIỀU 40. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- 40.1 Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- 40.1.1 Bị chết, bị mất tích hoặc đã có quyết định của Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - 40.1.2 Có đơn xin từ nhiệm;
 - 40.1.3 Không còn hội đủ điều kiện và tiêu chuẩn làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 37.1 Điều lệ này;
 - 40.1.4 Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- 40.2 Ngoài các trường hợp quy định tại Điều 40.1 Điều lệ này, thành viên Ban Kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
- 40.3 Việc miễn nhiệm, thay thế, bổ sung thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
- 40.4 Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình, có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty, thì Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.

ĐIỀU 41. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- 41.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm cá nhân trước Đại hội đồng Cổ đông về hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát.
- 41.2 Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của Ban Kiểm soát.
- 41.3 Tổ chức giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
- 41.4 Tiếp nhận và tổ chức xử lý các tài liệu, báo cáo do Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành gửi đến Ban Kiểm soát.
- 41.5 Thay mặt các Kiểm soát viên ký tất cả các tài liệu, báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng Cổ đông hoặc gửi đến Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, và Ban Điều hành.
- 41.6 Thay mặt Ban Kiểm soát trong mối liên hệ làm việc với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành.
- 41.7 Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

ĐIỀU 42. NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN BAN KIỂM SOÁT

- 42.1 Ban Kiểm soát có Văn phòng và trang thiết bị cần thiết để làm việc. Trong trường hợp cần thiết, Ban Kiểm soát có thể có không quá 03 (ba) chuyên viên giúp việc được hưởng lương theo thỏa thuận giữa Trưởng Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc. Chuyên viên giúp việc là người lao động của Công ty và được hưởng các chế độ của Công ty

- đối với người lao động. Tổng Giám đốc có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện và phương tiện làm việc cần thiết cho Ban Kiểm soát.
- 42.2 Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.
- 42.3 Kết luận của Ban Kiểm soát có giá trị khi được đa số quá bán trên tổng số thành viên Ban Kiểm soát dự họp nhất trí, đồng thời, từng thành viên có quyền có ý kiến độc lập và bảo lưu ý kiến của mình.
- 42.4 Chi phí hoạt động và thù lao của Ban Kiểm soát:
- 42.4.1 Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên; Thành viên chuyên trách được hưởng thù lao theo thỏa thuận giữa Trường Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
- 42.4.2 Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập khi thực hiện nhiệm vụ được giao với mức chi phí hợp lý, hợp lệ. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác.
- 42.4.3 Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật có liên quan, và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.
- 42.5 Ban Kiểm soát phải xây dựng chế độ công việc hàng tháng, hàng quý, hàng năm trong thời gian 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày được bầu ra theo quy định của Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.
- 42.6 Ban Kiểm soát có quyền được cung cấp thông tin:
- 42.6.1 Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
- 42.6.2 Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
- 42.6.3 Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu trữ tại Trụ sở chính, Chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi Người quản lý và nhân viên Công ty làm việc.
- 42.6.4 Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

MỤC V

CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

ĐIỀU 43. CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN

- 43.1 Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành của Công ty phải kê khai lợi ích liên quan với Công ty, bao gồm:
- 43.1.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; Tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- 43.1.2 Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người liên quan của họ cùng sở hữu hay sở hữu riêng cổ phần, hoặc phần vốn góp trên 35% (ba mươi lăm phần trăm) Vốn Điều lệ.
- 43.2 Việc kê khai quy định tại Điều 43.1 Điều lệ này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; Việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 43.3 Việc kê khai quy định tại Điều 43.1 và Điều 43.2 Điều lệ này phải được thông báo cho Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
- 43.4 Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty, đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, và chỉ được thực hiện sau khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; Nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

ĐIỀU 44. CÁC HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN

- 44.1 Tất cả các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:
- 44.1.1 Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông của Công ty và những Người liên quan của họ;
- 44.1.2 Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát;
- 44.1.3 Doanh nghiệp quy định tại Điều 43.1.1 và Điều 43.1.2 Điều lệ này và Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.
- 44.2 Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch nói tại Điều 44.1 Điều lệ này có giá trị nhỏ hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc niêm yết tại Trụ sở chính, Chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng, hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày niêm yết.
- 44.3 Thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

- 44.4 Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác nói tại Điều 44.1 Điều lệ này, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 44.2. Trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết, và hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
- 44.5 Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điều 44.2 và Điều 44.4 Điều lệ này. Tổng Giám đốc, Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

ĐIỀU 45. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ

- 45.1 Người quản lý Công ty có các nghĩa vụ sau đây:
- 45.1.1 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - 45.1.2 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty;
 - 45.1.3 Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông của Công ty; Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - 45.1.4 Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, Cổ phần chi phối; Thông báo này được niêm yết tại Trụ sở chính và Chi nhánh của Công ty.
- 45.2 Ngoài các nghĩa vụ quy định tại Điều 45.1, thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
- 45.3 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV TÀI CHÍNH VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐIỀU 46. NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ HẠCH TOÁN

- 46.1 Công ty thực hiện chế độ hạch toán độc lập, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính trong kinh doanh trên cơ sở Quy chế Tài chính Công ty, quy định của Điều lệ này và theo quy định của pháp luật. Tự cân đối các khoản thu chi, có trách nhiệm bảo toàn và phát triển các nguồn vốn kinh doanh và các nguồn vốn khác của Công ty, kể cả phần vốn góp vào doanh nghiệp khác, phần vốn sử dụng liên doanh.
- 46.2 Công ty chịu trách nhiệm thanh toán các khoản nợ, các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty đến hạn phải trả và các cam kết tài chính (nếu có).

- 46.3 Công ty thực hiện mọi quan hệ tín dụng (vay, cho vay, mua, bán hàng chậm trả, bảo lãnh) giữa Công ty và các đối tác bên ngoài trong khuôn khổ quy định của pháp luật.
- 46.4 Công ty có trách nhiệm nộp các khoản thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Chủ động phân phối, sử dụng phần lãi sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.
- 46.5 Năm tài chính của Công ty được tính theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày một tháng một (01/01) và chấm dứt vào ngày ba mươi một tháng mười hai (31/12) tính tròn một năm. Sổ sách kế toán của Công ty phải mở đầy đủ và lưu giữ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.
- 46.6 Kết thúc năm tài chính, Tổng Giám đốc gửi Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty lên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát để xem xét và thẩm định chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.
- 46.7 Công ty chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về tài chính và các hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 47. YÊU CẦU VỀ KIỂM TOÁN, CÔNG KHAI THÔNG TIN VÀ LƯU GIỮ TÀI LIỆU CÔNG TY

- 47.1 Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận trước khi gửi đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát để xem xét và thẩm định. Sau khi xem xét, Hội đồng Quản trị trình báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng Cổ đông để thông qua.
- 47.2 Hội đồng Quản trị quyết định việc lựa chọn Công ty kiểm toán.
- 47.3 Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua đến cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan hoặc tổ chức khác theo quy định của pháp luật.
- 47.4 Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả Cổ đông.
- 47.5 Công ty thực hiện chế độ lưu giữ tài liệu theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 48. THÀNH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

- 48.1 Công ty được thành lập các quỹ theo quy định hiện hành của Nhà nước và trích lập quỹ theo Nghị quyết hàng năm của Đại hội đồng Cổ đông.
- 48.2 Mức Cổ tức được Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo quy định của Điều lệ này.

ĐIỀU 49. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

- 49.1 Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày có báo cáo tài chính năm được kiểm toán, Công ty phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 16 Luật Chứng khoán.
- 49.2 Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - 49.2.1 Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;
 - 49.2.2 Tạm ngừng kinh doanh;

- 49.2.3 Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Giấy phép hoạt động;
 - 49.2.4 Thông qua các Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 104 Luật Doanh nghiệp;
 - 49.2.5 Quyết định của Hội đồng Quản trị về việc mua lại Cổ phiếu của Công ty hoặc bán lại số Cổ phiếu đã mua; Về ngày thực hiện quyền mua Cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua Cổ phiếu, hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu sang Cổ phiếu, và các Quyết định liên quan đến việc chào bán theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp;
 - 49.2.6 Có quyết định khởi tố đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty; Có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Có kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế.
- 49.3 Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 72 (bảy mươi hai) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
- 49.3.1 Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu có giá trị từ 30% (ba mươi phần trăm) vốn thực có trở lên;
 - 49.3.2 Quyết định của Hội đồng Quản trị về chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Quyết định thay đổi phương pháp kế toán áp dụng;
 - 49.3.3 Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.
- 49.4 Công ty phải công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
- 49.4.1 Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - 49.4.2 Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
- 49.5 Việc công bố thông tin phải do Tổng Giám đốc hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện.
- 49.6 Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện thông tin đại chúng, ấn phẩm của Công ty và các phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

CHƯƠNG V

CÔNG TY - NGƯỜI LAO ĐỘNG - CÔNG ĐOÀN

ĐIỀU 50. THÔNG QUA CHÍNH SÁCH VỀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng Quản trị thông qua chính sách về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động, cũng như mối quan hệ giữa Công ty với tổ chức Công đoàn trong Công ty theo quy định tại Điều lệ này, Thỏa ước Lao động tập thể, Nội quy Công ty, các quy định, Quy chế khác của Công ty và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 51. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Người lao động trong Công ty được hưởng quyền, lợi ích chính đáng và có nghĩa vụ với Công ty theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy Công ty, Điều lệ và theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, người lao động còn có nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

THÀNH LẬP, QUẢN LÝ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CON

ĐIỀU 52. THÀNH LẬP CÔNG TY CON

Công ty có quyền thành lập, tham gia thành lập Công ty con để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh của Công ty. Quy trình và thủ tục thành lập Công ty con được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của Điều lệ này.

ĐIỀU 53. HÌNH THỨC PHÁP LÝ CỦA CÔNG TY CON

- 53.1 Công ty con được thành lập theo một trong các hình thức sau:
- 53.1.1 Công ty sở hữu 100% (một trăm phần trăm) Vốn Điều lệ của Công ty con. Trong trường hợp này, loại hình pháp lý của Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
 - 53.1.2 Công ty sở hữu phần vốn góp chi phối hay Cổ phần chi phối Vốn Điều lệ của Công ty con. Trong trường hợp này, hình thức pháp lý của Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc Công ty cổ phần.
- 53.2 Ngành nghề hoạt động chủ yếu của Công ty con do Công ty quyết định với tư cách chủ sở hữu hay thành viên chi phối hoặc Cổ đông chi phối của Công ty con.
- 53.3 Công ty con có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và có quyền tự chủ về tài chính theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 54. QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON

- 54.1 Tùy thuộc loại hình Công ty con, Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với Công ty con với tư cách là chủ sở hữu hoặc thành viên/Cổ đông theo quy định của pháp luật. Các hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Công ty và Công ty con được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo luật định và quy định của Điều lệ này.
- 54.2 Công ty thực hiện quyền giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty con.
- 54.3 Trường hợp Công ty can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên hoặc Cổ đông chi phối, và buộc Công ty con phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ bình thường, hoặc hoạt động không sinh lợi, thì Công ty phải chịu trách nhiệm về các can thiệp này. Công ty phải bồi thường cho Công ty con nếu sự can thiệp vượt quá thẩm quyền của Công ty gây thiệt hại cho Công ty con.

- 54.4 Người quản lý của Công ty chịu trách nhiệm về việc can thiệp, buộc Công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh như quy định tại Điều 54.3 Điều lệ này phải liên đới cùng Công ty chịu trách nhiệm về các thiệt hại đó.
- 54.5 Trường hợp hoạt động kinh doanh như quy định tại Điều 54.3 Điều lệ này do Công ty con thực hiện đem lại lợi ích cho Công ty con khác của Công ty, thì Công ty con được hưởng lợi đó phải liên đới cùng Công ty hoàn trả khoản lợi được hưởng đó cho Công ty con bị thiệt hại.

ĐIỀU 55. BẢO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY VÀ CÔNG TY CON

- 55.1 Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo luật định, Công ty còn phải lập các báo cáo sau:
- 55.1.1 Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo quy định của pháp luật về kế toán;
- 55.1.2 Báo cáo kết quả kinh doanh hằng năm của Nhóm Công ty;
- 55.1.3 Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của Nhóm Công ty.
- 55.2 Khi có yêu cầu của Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Người đại diện theo pháp luật của Công ty con phải cung cấp các báo cáo, tài liệu, thông tin cần thiết để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Nhóm Công ty.
- 55.3 Các báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm của Công ty, các Công ty con, các báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của Nhóm Công ty phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty. Bản sao của các báo cáo, tài liệu quy định tại khoản này phải có ở các Chi nhánh của Công ty trên lãnh thổ Việt Nam.

CHƯƠNG VII

TỔ CHỨC LẠI – GIA HẠN – GIẢI THỂ - PHÁ SẢN

ĐIỀU 56. TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY

- 56.1 Đại hội đồng Cổ đông quyết định việc tổ chức lại Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị, và quyết định này thông qua tại cuộc họp khi được số Cổ đông đại diện ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) số phiếu biểu quyết dự họp chấp thuận.
- 56.2 Thủ tục và trình tự tổ chức lại Công ty theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 57. GIA HẠN HOẠT ĐỘNG

Khi Công ty hết thời hạn hoạt động, tùy theo điều kiện, hoàn cảnh kinh doanh tại thời điểm đó, Đại hội đồng Cổ đông quyết định gia hạn thêm thời gian hoạt động của Công ty và trình lên cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét.

ĐIỀU 58. GIẢI THỂ

- 58.1 Công ty được giải thể trong các trường hợp sau:
- 58.1.1 Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn thêm;

- 58.1.2 Mục tiêu của Công ty không thể tiếp tục thực hiện được hoặc không đem lại hiệu quả kinh tế;
- 58.1.3 Theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
- 58.1.4 Công ty không còn đủ số lượng Cổ đông tối thiểu là 03 (ba) trong thời hạn liên tục 06 (sáu) tháng;
- 58.1.5 Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- 58.2 Đại hội đồng Cổ đông quyết định việc giải thể Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị, và Quyết định này thông qua tại cuộc họp khi được số Cổ đông đại diện ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) số phiếu biểu quyết dự họp chấp thuận.
- 58.3 Thủ tục và trình tự giải thể Công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 59. THANH LÝ CÔNG TY KHI GIẢI THỂ

- 59.1 Khi thông qua quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị sẽ trình Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn việc thành lập Ban Thanh lý. Ban Thanh lý là người đại diện của Công ty thực hiện các thủ tục thanh lý Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.
- 59.2 Khi thanh lý Công ty, Ban Thanh lý sẽ tiến hành chào bán các tài sản của Công ty theo giá không thấp hơn mức giá đã được xác định bởi một bên đánh giá độc lập thứ ba do Hội đồng Quản trị chỉ định.
- 59.3 Ban Thanh lý Công ty gồm những người có chuyên môn và hiểu biết trong việc thanh lý doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng Quản trị giữ chức Trưởng Ban thanh lý.
- 59.4 Ban Thanh lý thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.
- 59.5 Tài sản còn lại của Công ty sau khi thanh toán mọi nghĩa vụ theo quy định sẽ được phân chia cho các Cổ đông theo quy định của pháp luật. Không Cổ đông nào bị ép buộc phải chấp nhận bất cứ tài sản nào của Công ty.

ĐIỀU 60. PHÁ SẢN

Việc phá sản của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.

CHƯƠNG VIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

ĐIỀU 61. NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 61.1 Mọi tranh chấp giữa các Cổ đông của Công ty được giải quyết bằng thương lượng, hòa giải giữa các bên có tranh chấp. Trường hợp không giải quyết được, thì một bên hay các bên sẽ đưa vụ việc ra phân xử tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- 61.2 Trường hợp tranh chấp giữa một Cổ đông của Công ty với Công ty cũng được giải quyết theo trình tự tại Điều 61.1 Điều lệ này. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ là đại diện của Công ty trong quá trình tố tụng, trừ trường hợp quy định tại Điều 61.3 Điều lệ này.

- 61.3 Trường hợp tranh chấp giữa Cổ đông hoặc đại diện của Cổ đông đang giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc với Công ty, nếu vụ việc này được đưa đến giải quyết tại Tòa án hay Trọng tài, thì người này phải từ chức và Hội đồng Quản trị Công ty sẽ bầu, bổ nhiệm người khác thay thế theo quy định của Điều lệ này.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

ĐIỀU 62. HIỆU LỰC THI HÀNH

- 62.1 Nếu có những vấn đề mà Điều lệ này chưa quy định thì sẽ áp dụng quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan trực tiếp.
- 62.2 Điều lệ này ràng buộc tất cả các Cổ đông của Công ty, những người kế thừa hay nhận chuyển nhượng Cổ phần của các Cổ đông.
- 62.3 Tất cả các Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Người quản lý Công ty và người lao động trong Công ty phải tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh Điều lệ này.
- 62.4 Điều lệ này có hiệu lực kể từ khi có Nghị quyết thông qua của Đại hội đồng Cổ đông.

ĐIỀU 63. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY, SỐ LƯỢNG CHƯƠNG VÀ ĐIỀU

- 63.1 Trong quá trình hoạt động của Công ty, nếu có Điều khoản nào trong Điều lệ này không còn phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh kinh doanh thực tế, hoặc theo quy định mới của pháp luật, thì Đại hội đồng Cổ đông xem xét sửa đổi, bổ sung.
- 63.2 Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận theo quy định của Điều lệ và pháp luật.
- 63.3 Điều lệ này gồm 09 (chín) Chương và 63 (sáu mươi ba) Điều, đã được Đại hội Cổ đông thường niên Công ty thông qua ngày 27/6/2008, sửa đổi ngày 24/5/2014
- 63.4 Bản Điều lệ này được lập thành 20 (hai mươi) bản có giá trị pháp lý như nhau để nộp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, lưu trữ tại Trụ sở Công ty và giao cho các Cổ đông sáng lập.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**


ĐẶNG THÀNH TÂM